

Số ra ngày:08/2025

## Bản Tin Trung tâm Thông tin Cộng sinh đa văn hóa

Trung tâm Thông tin Cộng sinh đa văn hóa Thành phố Higashiosaka phát hành (1 số/ tháng)

Tầng 16 tòa nhà ủy ban thành phố, 1-1-1 Aramotokita, Higashiosaka-shi, 577-8521

TEL:06-4309-3311 Fax:06-4309-3823 □<https://www.city.higashiosaka.lg.jp/category/30-0-0-0-0-0-0-0-0.html>

← Nếu bạn muốn nhận tin tức từ Trung tâm thông tin cộng sinh đa văn hóa qua email tại đây



## Buổi tập huấn tình nguyện viên ngôn ngữ

ごがく けんしゅうかい  
語学ボランティア研修会

Các bạn có muốn tận dụng khả năng ngôn ngữ của mình để phiên dịch/biên dịch giúp người nước ngoài đang sống tại thành phố có thể an tâm sinh sống không?

◆ Thời gian: ngày 6 tháng 9 năm 2025 (thứ bảy), 10:30~16:15

Phần nhập môn 10:30~12:00/ Phần ứng dụng 13:00~16:15

◆ Đối tượng: Người có khả năng giao tiếp tốt bằng tiếng Nhật và tiếng nước ngoài, có mong muốn hoạt động và đăng ký làm tình nguyện viên ngôn ngữ cho thành phố. Hoặc những người đã đăng ký ※Phần nhập môn thì chỉ người tham gia lần đầu mới có thể đăng ký

◆ Địa điểm: Phòng họp tầng 22, tòa thị chính Higashiosaka

◆ Số lượng: 30 người mỗi phần (ưu tiên người đăng ký trước, tham gia miễn phí)

Đăng ký →

◆ Cách đăng ký: Gửi họ tên (furigana), địa chỉ, số điện thoại, ngôn ngữ phiên dịch, tiếng mẹ đẻ, ngày muốn tham gia, kinh nghiệm phiên dịch/biên dịch qua điện thoại, email hoặc đăng ký trực tuyến trước ngày 29 tháng 8 (thứ sáu).

市内で生活する多くの外国人住民が安心して暮らせるように、  
あなたの語学力を活かして通訳・翻訳をしませんか。

◆日時: 2025年9月6日(土) 10:30~16:15

入門編 10:30~12:00 / 応用編 13:00~16:15

◆対象: 日本語と外国語で十分なコミュニケーションができる方で、本市の語学ボランティアとして登録し、活動する意欲のある方。又は、すでに登録している方。※入門編は初めて参加する方のみ応募可

◆場所: 東大阪市役所本庁舎 22階会議室

◆定員: 各30名(申込先着順・参加費無料)

◆申込方法: 氏名(ふりがな)、住所、電話番号、通訳言語、母語、参加希望時間、通訳・翻訳経験を電話・Eメール・電子申請のいずれかで8月29日(金)までにお申し込みください。

Đăng ký / Nơi liên hệ: Bản Tin Trung tâm Thông tin Cộng sinh đa văn hóa

TEL 06-4309-3311/FAX 06-4309-3823 E-mail: [bunkoku.plaza@city.higashiosaka.lg.jp](mailto:bunkoku.plaza@city.higashiosaka.lg.jp)

## Tuyển trẻ mầm non vào trường mẫu giáo/trường trẻ em được chứng nhận năm học 2026

令和8年度の園児募集 幼稚園・認定こども園

Phát và tiếp nhận đơn đăng ký nguyện vọng tại từng trường

【Trường mẫu giáo công lập】※ Trường hợp số lượng đăng ký vượt quá chỉ tiêu sẽ tiến hành bốc thăm.

◆ Đối tượng: Trẻ sinh từ ngày 2 tháng 4 năm 2020 đến ngày 1 tháng 4 năm 2022, đang sống cùng với cha mẹ đã đăng ký cư trú tại thành phố.

◆ Thời gian phát đơn: ngày 1 (thứ hai) ~ ngày 30 (thứ ba) tháng 9, từ 14:00 đến 16:00 (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ).

◆ Thời gian tiếp nhận đơn:

▷Trẻ 4 tuổi: ngày 1 tháng 10 (thứ tư) từ 13:30 đến 14:00

▷Trẻ 5 tuổi: ngày 3 tháng 10 (thứ sáu) từ 13:30 đến 14:00

【Trường trẻ em được chứng nhận công lập】

※ Trường hợp số lượng đăng ký vượt quá chỉ tiêu sẽ tiến hành bốc thăm

◆ Đối tượng: Trẻ sinh từ ngày 2 tháng 4 năm 2020 đến ngày 1 tháng 4 năm 2023, đang sống cùng với cha mẹ đã đăng ký cư trú tại thành phố.

◆ Thời gian phát đơn: ngày 1 (thứ hai) ~ ngày 30 (thứ ba) tháng 9, từ 14:00 đến 16:00 (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ).

◆ Thời gian tiếp nhận đơn:

▷Trẻ 3 tuổi: ngày 1 tháng 10 (thứ tư) từ 15:00 đến 15:30

▷Trẻ 4 tuổi: ngày 1 tháng 10 (thứ tư) từ 13:30 đến 14:00

▷Trẻ 5 tuổi: ngày 3 tháng 10 (thứ sáu) từ 13:30 đến 14:00

【Trường mẫu giáo tư thục và trường trẻ em được chứng nhận tư thục】

Thủ tục nhập học được thực hiện tại từng trường. Phát đơn đăng ký từ ngày 1 tháng 9 (thứ hai), bắt đầu nhận hồ sơ từ ngày 1 tháng 10 (thứ tư) (khác nhau tùy từng trường)

願書の交付と受付は各園で実施。

【市立幼稚園】※定員を超えた場合は抽選。

◆対象: 令和2年4月2日~令和4年4月1日に生まれ、市内にじゅうみんとくろくほごしやどうきょようじ住民登録をしている保護者と同居する幼児

◆願書の交付: 9月1日(月)~30日(火)14時~16時(土・日曜日・祝休日を除く)

◆願書の受付: ▷4歳児=10月1日(水)13時30分~14時 ▷5歳児=10月3日(金)13時30分~14時

【市立認定こども園】※定員を超えた場合は抽選。

◆対象: 令和2年4月2日~令和5年4月1日に生まれ、市内にじゅうみんとくろくほごしやどうきょようじ住民登録をしている保護者と同居する幼児

◆願書の交付: 9月1日(月)~30日(火)14時~16時(土・日曜日・祝休日を除く)

◆願書の受付: ▷3歳児=10月1日(水)15時~15時30分 ▷4歳児=10月1日(水)13時30分~14時 ▷5歳児=10月3日(金)13時30分~14時

【私立幼稚園・私立認定こども園】

入園手続きは各園で実施。願書は9月1日(月)から交付し、10月1日(水)から受け付けます。(園により異なる)

各 trường mẫu giáo của thành phố, nhà trẻ được chứng nhận= từng trường, khoa học sự, khoa dạy trẻ/ Các trường mẫu giáo tư thục, nhà trẻ tư thục được chứng nhận= từng trường TEL 06-4309-3271 / FAX 06-4309-3838

Ban học sự TEL 06-4309-3196 / FAX 06-4309-3817 Các trường mẫu giáo tư nhân/Nhà trẻ được chứng nhận tư nhân= Các trường

問い合わせ先: 市立幼稚園・認定こども園=各園・学事課・保育課 / 私立幼稚園・認定こども園=各園

東大阪市語学ボランティア募集!! ご協力いただける方は多文化共生情報プラザまでご連絡ください。

| <div>Tuyển trẻ vào cơ sở giữ trẻ cho năm học 2026</div> <div>れいわ ねんど ほしいしつてゆうしょじどう ぼしゅう<br/>令和8年度の保育施設入 所児童を募集</div>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>◆ Thời gian tiếp nhận hồ sơ:</p> <p>▷trẻ từ 1 đến 5 tuổi: từ ngày 12 tháng 9 (thứ sáu) đến ngày 3 tháng 10 (thứ sáu)</p> <p>▷trẻ 0 tuổi sinh trước ngày 3 tháng 2 năm 2026: từ ngày 5 tháng 1 (thứ hai) đến ngày 6 tháng 2 (thứ sáu) năm sau</p> <p>Gửi đơn đăng ký và các giấy tờ cần thiết qua đường bưu điện (đến đúng thời gian tiếp nhận) hoặc bỏ vào hộp tiếp nhận đặt tại phòng tư vấn sử dụng cơ sở hoặc văn phòng phúc lợi.</p> <p>※ Không tiếp nhận hồ sơ tại quầy</p> <p>※ Trường hợp chuyển trường cũng phải nộp trong thời gian trên.</p> <p>Nếu muốn đăng ký vào các cơ sở giữ trẻ ngoài thành phố, cần nộp đơn đăng ký cho từng năm học</p> | <p>うけつけきかん さいじ さいじ がつ にち きん がつみつか きん れいわ ねん がつ</p> <p>◆ 受付期間 :▷1歳児〜5歳児=9月12日(金)〜10月 3 日(金)▷令和8年2月</p> <p>みつかいぜん う さいじ らいねん がいつか げつ がつむいか きん</p> <p>3 日以前に生まれた 0歳児= 来年1月 5 日 (月)〜2月 6 日(金)</p> <p>もうしこみしょ ひつようしよるい かくうけつけきかん ひつちやく ゆうそう しせつりよう</p> <p>申 込 書 と 必 要 書 類 を 各 受 付 期 間 ( 必 着 ) に 郵 送 また は 施 設 利 用</p> <p>そうだんか ふくしむしょ せつち ていしゆつ とうかん まどぐち</p> <p>相談課・福祉事務所に設置された 提 出 ボックスへ 投 函 ※窓口での</p> <p>うけつけ ふ か てんえん どうきかんない もうしこ しがい ほしいしつ</p> <p>受付は不可 ※転園も同期間内に 申 込 み ください。市外の保育施設への</p> <p>にゅうしょ きぼう ばあい きぼうねんど もうしこ ひつよう</p> <p>入 所 を 希 望 す る 場 合 は 、 希 望 年 度 ご と に 申 込 み が 必 要 。</p>                        |
| <p>Đăng ký/Nơi liên hệ: Ban: Tư vấn sử dụng cơ sở vật chất TEL 06-4309-3202/FAX 06-4309-3817</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | <p>もうしこ といあわ さき しせつりようそうだんか</p> <p>申 込 み ・ 問 合 せ 先 : 施 設 利 用 相 談 課</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| <div>Nộp giấy báo cáo hiện trạng/tình hình thu nhập cho trợ cấp nuôi dưỡng trẻ (đặc biệt)</div> <div>とくべつ じどうふようて げんきようとどけ しよとくじょうきょうとどけ ていしゆつ<br/>(特別)児童扶養手当 現 況 届・所得 状 況 届 の 提 出 を</div>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| <p>Người đang nhận trợ cấp nuôi trẻ phải nộp báo cáo hiện trạng trong tháng 8, người đang nhận trợ cấp nuôi dưỡng trẻ em đặc biệt phải nộp báo cáo tình hình thu nhập trước ngày 11 tháng 9 (thứ năm). Những người thuộc diện sẽ nhận được thông báo gửi qua bưu điện. Báo cáo hiện trạng của trợ cấp nuôi dưỡng trẻ em thông thường có thể nộp qua đường bưu điện.</p> <p>◆ Thời gian tiếp nhận: Thứ hai đến thứ sáu, từ 9:00 đến 17:30, Ngày 23 tháng 8 ( thứ bảy) từ 9:00 đến 12:00</p> <p>◆ Địa điểm: phòng hưu trí quốc dân, tầng 3, tòa thị chính</p>                                                                                                   | <p>じどうふようて う かた がつちゅう げんきようとどけ とくべつじどう</p> <p>児童扶養手当を受けている方は 8 月 に 現 況 届・特別児童</p> <p>ふようて う かた がつ にち もく しよとくじょうきょうとどけ</p> <p>扶養手当を受けている方は 9月11日(木)までに所得 状 況 届</p> <p>ていしゆつ ひつよう たいしゅうしゃ し そうふ じどうふよう</p> <p>の 提 出 が 必 要 です。対 象 者 に お 知 ら せ を 送 付 し ます。児 童 扶 養</p> <p>てあて げんきょうとどけ ゆうそう ていしゆつ にちじ げつようび きんようび</p> <p>手 当 の 現 況 届 は 郵 送 で 提 出 で き ます。◆ 日 時 : 月 曜 日 〜 金 曜 日</p> <p>じ じ ぶん がつ にち ど じ じ ばしよ しやくしよほんちようしゃ</p> <p>9時〜17時30分、8月23日(土)9時〜12時 ◆場所: 市役所本庁 舎 3</p> <p>かいこくみねんきんか</p> <p>階 国 民 年 金 課</p>                                                                                                      |
| <p>Nơi liên hệ: Ban Tiền hưu trí quốc dân TEL 06-4309-3165 / FAX 06-4309-3805</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | <p>もうしこ といあわ さき こくみねんきんか</p> <p>申 込 み ・ 問 合 せ 先 : 国 民 年 金 課</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| <div>Tiền trợ cấp điều chỉnh bổ sung cho những người không được giảm thuế cố định đầy đủ</div> <div>ていがくげんぜい かた ちょうせいきゅうふきん<br/>定額減税しきれない方へ 調 整 給 付 金</div>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| <p>Trong đợt giảm thuế cố định đối với thuế cư trú cá nhân và thuế thu nhập cá nhân được thực hiện vào năm 2024, những người không được giảm thuế đầy đủ sẽ được hỗ trợ bằng khoản tiền trợ cấp điều chỉnh.Từ cuối tháng 7 trở đi, những người là đối tượng sẽ được gửi thông báo có ghi rõ cách nhận tiền trợ cấp và số tiền trợ cấp.Về đối tượng được nhận và số tiền trợ cấp, hãy liên hệ tổng đài hoặc truy cập trang web chính thức để biết thêm chi tiết.</p>                                                                                                                                                                                           | <p>れいわ ねんど じしつ こじんじゅうみんぜい しよとくぜい ていがくげんぜい</p> <p>令和6年度に実施した個人住 民 税 および所得税の定額減税に</p> <p>おいて、減税しきれない方などを 対 象 に 定 額 減 税 調 整 給 付</p> <p>きん きゅうふ たいしゅうしゃ がつげじゅんいこう きゅうふきん う と</p> <p>金 を 給 付 し ます。対 象 者 に は 7 月 下 旬 に 降 に 給 付 金 を 受 け 取 る</p> <p>ほうほう きゅうふがく きさい し そうふ たいしゅうしゃお</p> <p>方 法 や 給 付 額 な ど を 記 載 し た お 知 ら せ を 送 付 し ます。対 象 者 及</p> <p>きゅうふがく といあわ</p> <p>び給付額についてはコールセンターにお問合せいただくか、ウェ</p> <p>らん</p> <p>ブサイトをご覧ください。</p>                                                                                                                                                                                 |
| <p>Nơi liên hệ: Tổng đài tiền trợ cấp điều chỉnh giảm thuế cố định</p> <p>TEL 06-4309-3154/ FAX 06-4309-3810</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | <p>といあわ さき ていがくげんぜいちょうせいきゅうふきん</p> <p>問 合 せ 先 : 定 額 減 税 調 整 給 付 金 コー ル セ ン タ ー</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| <div>Pin lithium-ion có thể gây cháy! Không bỏ chung pin sạc với rác thải</div> <div>でんち かさい げんいん じゅうでんしきでんち ま<br/>リチウムイオン電池などが火災の原因に！ 充 電 式 電池をごみに混ぜないで</div>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| <p>◆ Hãy sử dụng hộp thu hồi</p> <p>Hãy tháo pin sạc ra khỏi các thiết bị điện, dán băng dính lên các cực kim loại của pin (+ và -) để cách điện, sau đó bỏ vào "Hộp thu hồi pin sạc cỡ nhỏ" được đặt tại các điểm thu hồi của thành phố hoặc các cửa hàng hợp tác thu hồi.</p> <p>◆ Ví dụ về các sản phẩm sử dụng pin sạc cỡ nhỏ:</p> <p>Pin sạc dự phòng, điện thoại di động / điện thoại thông minh, máy cạo râu điện, bàn chải đánh răng điện, thuốc lá điện tử, quạt cầm tay, máy chơi game cầm tay, máy ảnh kỹ thuật số.</p>                                                                                                                            | <p>かいしゅう りよう</p> <p>◆ 回 収 ボックスのご利用を</p> <p>でんかせいひん じゅうでん ち と はず でんち きんぞくたんしぶ きよく</p> <p>電 化 製 品 か ら 充 電 池 を 取 り 外 し 、 電 池 の 金 属 端 子 部 ( + 極 と -</p> <p>きよく は ぜつえん しかいしゅうきよてん かいしゅうきょうりよくてん</p> <p>極 ) に テ ー プ を 貼 っ て 絶 縁 し て 市 回 収 拠 点 か 回 収 協 力 店</p> <p>せつち こがたじゅうでんしきでんちかいしゅう だ</p> <p>に 設 置 の 「 小 型 充 電 式 電 池 回 収 ボ ッ ク ス 」 に 出 し て く だ さ い 。</p> <p>こがたじゅうでんしきでんち つか せいひん れい</p> <p>◆ 小 型 充 電 式 電 池 が 使 わ れ て い る 製 品 の 例 : モ バ イ ル バ ッ テ リ ー</p> <p>けいたいでんわ でんき でんどう は かねつしき</p> <p>、 携 帯 電 話 ・ ス マ ー ト フ ォ ン 、 電 気 シ ー パ ー 、 電 動 歯 ブラシ、加熱式</p> <p>せんぶうき けいたいがた き</p> <p>たばこ、ハンディー扇風機、携帯型ゲーム機、デジタルカメラ</p> |
| <p>Nơi liên hệ: ▷Về phân loại/thu hồi theo điểm = phòng thúc đẩy tuần hoàn xã hội</p> <p>TEL 06-4309-3199 / Fax 06-4309-3829</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | <p>といあわ さき ぶんべつ きよてんかいしゅう じゅんかんしゃかいすいしんか</p> <p>問 合 せ 先 : ▷ 分 別 ・ 拠 点 回 収 に つ い て = 循 環 社 会 推 進 課</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| <div>Thẻ bảo hiểm y tế quốc dân có giá trị đến hết tháng 10</div> <div>こくみんけんこうほけん ほけんしやう ゆうこうきげん がつまつ<br/>国民健康保険 保険証の有効期限は10月まで</div>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| <p>Từ tháng 12 năm ngoái, hệ thống đã chuyển sang dùng thẻ MyNumber làm thẻ bảo hiểm y tế. Sau khi thẻ cũ hết hạn, hãy mang thẻ MyNumber hoặc giấy xác nhận tư cách khi đi khám bệnh ở những cơ sở y tế.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | <p>さくねん がつふつか ほけんしやう りよう しく へんこう</p> <p>昨年12月2日 から マイ ナ 保 険 証 を 利 用 す る 仕 組 み に 変 更</p> <p>ゆうこうきげん けい か ご ほけんしやう</p> <p>さ れ て い ます。有 効 期 限 経 過 後 は 「 マ イ ナ 保 険 証 」 ま た</p> <p>しかくかくにんしよ じさん いりようきかん じゅしん</p> <p>は 「 資 格 確 認 書 」 を 持 参 し 医 療 機 関 を 受 診 し て く だ さ い 。</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| <p>Nơi liên hệ: Khoa cấp tư cách, phòng bảo hiểm y tế TEL 06-4309-3167 / Fax 06-4309-3804</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | <p>といあわ さき いりようほけんしつしかくきゅうふか</p> <p>問 合 せ 先 : 医 療 保 険 室 資 格 給 付 課</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |